



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG
VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán*





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 684./2012/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 10 tháng 05 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- a, Chúng tôi được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Công ty mẹ và 3 công ty con trong tổng số 11 công ty con của Tổng Công ty với tỷ trọng tổng tài sản chiếm 57,79%, công nợ phải trả chiếm 52,66%, nguồn vốn kinh doanh chiếm 98,26%;
- Theo đó, chúng tôi đã phát hành 4 Báo cáo tài chính này với ý kiến chấp nhận từng phần, cụ thể:
 - Tại Công ty mẹ Tổng Công ty:
 - i. Công trình nhà thi đấu Đà Nẵng đã được Ban Quản lý dự án xây dựng Thành phố Đà Nẵng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 29/06/2011. Tuy nhiên do tiến độ hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán chậm, do đó chưa ghi nhận doanh thu đối với phần khối lượng xây lắp hoàn thành chưa được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán ước tính là 67.518.213.000 VND;
 - ii. Năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng ghi nhận doanh thu từ dự án nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 là 50 tỷ đồng, doanh thu đã ghi nhận lũy kế đến thời điểm 31/12/2011 là 90 tỷ đồng theo tờ trình số 791/Ttr - BQLTH ngày 31/12/2010 của Ban Quản lý Dự án Thái Hà, lợi nhuận của dự án khoảng 681 tỷ đồng, tương ứng với 20% vốn góp thì phần lợi nhuận của Tổng Công ty khoảng 136 tỷ đồng;
 - iii. Tại trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng: Theo ý kiến của Ban giám hiệu nhà trường do Tổng công ty đang thực hiện triển khai đề án Tái cấu trúc doanh nghiệp, căn cứ chủ trương đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và định hướng của Bộ Xây dựng về việc sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp, các trường đào tạo, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đang báo cáo Tập đoàn Sông Đà đề nghị chuyển Trường Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng về Tập đoàn Sông Đà để tập trung đầu mỗi quản lý, hoặc đề nghị chuyển về Bộ Xây dựng quản lý. Vì vậy, một số tài sản cố định hình thành từ nguồn Kinh phí sự nghiệp đã được chuyển sang nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm cổ phần hóa doanh nghiệp; do các tài sản này chủ yếu phục vụ cho hoạt động đào tạo bằng nguồn Kinh phí được cấp, Trường chưa trích khấu hao tài sản cố định từ thời điểm cổ phần hóa đến 31/12/2011.
 - Tại Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng: Báo cáo đưa ra ý kiến ngoại trừ đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; và chưa trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu đã quá hạn. Trong đó dự phòng phải thu khó đòi chưa thực hiện trích lập vào kết quả kinh doanh trong kỳ là 8,386 tỷ đồng;

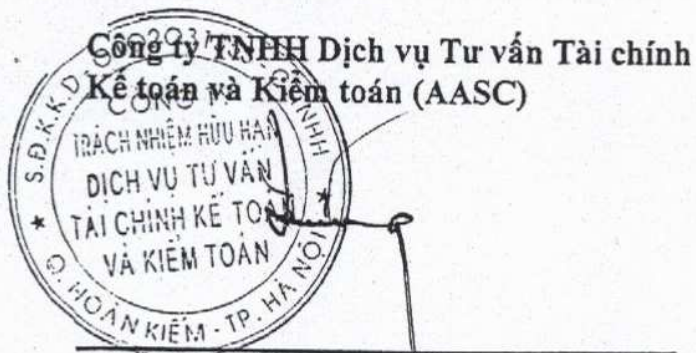
- Tại Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn, Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng và Công ty TNHH MTV Xây dựng và Cơ giới Sông Hồng chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và các công trình xây dựng cơ bản dở dang vào ngày 31/12/2011;
- Tại Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn đang ghi nhận khoản lãi tạm tính một số hạng mục thi công cho công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng trên khoản mục các khoản phải thu khác, số tiền 2.799.361.739 VND để phục vụ cho công tác bàn giao số liệu của Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại Sài Gòn khi chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn. Các hạng mục này chưa có hồ sơ quyết toán và biên bản nghiệm thu trong kỳ.
- Các công ty kiểm toán độc lập khác tiến hành kiểm toán 08 công ty con còn lại trong đó có 02 báo cáo dưới dạng chấp nhận toàn phần và 06 báo cáo dưới dạng chấp nhận từng phần, ý kiến giới hạn đã được nêu trong các Báo cáo kiểm toán do Kiểm toán độc lập thực hiện tại các đơn vị có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:
 - 06 Báo cáo đưa ra ý kiến về ngoại trừ kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và khối lượng công trình xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2011;
 - 03 Báo cáo đưa ra ý kiến về ngoại trừ đối chiếu công nợ phải thu phải trả;
 - Công ty Cổ phần Xây dựng số 01 Sông Hồng và Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng chưa trích lập chi phí dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

b, Chúng tôi chỉ thu thập được các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sông Hồng Số 8, Công ty Cổ phần Sông Hồng Số 6, Công ty Cổ phần Sông Hồng Số 10, Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng trong 12 công ty liên kết của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của 08 công ty liên kết còn lại chưa được kiểm toán. Bằng những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể ước lượng mức độ ảnh hưởng của vấn đề trên đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các quy định pháp lý có liên quan và tùy thuộc vào sự thỏa thuận của các bên về vấn đề sau đây:

Tổng Công ty đã chủ trương phối hợp với Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng về việc xử lý vấn đề tài chính tại công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng cần làm việc với các Ngân hàng có dư nợ vay để cơ cấu lại các khoản nợ vay ngắn hạn sang vay dài hạn và đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi phạt, phí phạt chậm trả, giảm lãi suất vay đối với những khế ước chưa đến hạn, ưu tiên thu hồi nợ gốc trước để giảm bớt khó khăn. Vì vậy, các khoản chi phí này được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm 2011 của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng sẽ phụ thuộc vào thỏa thuận giữa Công ty này và các Ngân hàng có liên quan.



Nguyễn Quốc Dũng
 Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Lê Văn Tùng
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ KTV số: 1479/KTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2012

53-C
 HƯ HẠN
 TƯ VẤN
 KẾ TOÁN
 KIỂM TOÁN

10
 CÔ
 PH
 H
 T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.242.020.818.681	2.595.410.402.537
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	187.137.694.463	266.551.382.444
111 1. Tiền		157.137.694.463	263.551.382.444
112 2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	3.000.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	40.012.916.600
121 1. Đầu tư ngắn hạn		-	40.080.331.733
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	(67.415.133)
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		996.225.130.485	1.198.936.012.192
131 1. Phải thu khách hàng		516.632.606.508	633.469.695.156
132 2. Trả trước cho người bán		319.411.313.413	328.499.507.218
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	6.499.193.654
135 5. Các khoản phải thu khác	4	182.914.616.183	253.464.243.464
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(22.733.405.619)	(22.996.627.300)
140 IV. Hàng tồn kho	5	919.628.348.115	932.983.787.749
141 1. Hàng tồn kho		919.628.348.115	932.983.787.749
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		139.029.645.618	156.926.303.552
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	9.057.419.278	4.216.423.754
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.076.086.723	57.381.014.901
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	80.170.468	329.864.909
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	99.815.969.149	94.998.999.988
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		744.890.906.580	638.272.370.943
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		-	5.710.000.000
218 4. Phải thu dài hạn khác		-	5.710.000.000
220 II. Tài sản cố định		390.906.459.815	370.402.555.881
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	311.408.482.030	315.266.731.948
222 - Nguyên giá		408.421.062.801	407.760.945.292
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(97.012.580.771)	(92.494.213.344)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	46.122.412.791	40.304.737.050
228 - Nguyên giá		46.629.123.295	40.922.976.295
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(506.710.504)	(618.239.245)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	33.375.564.994	14.831.086.883
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	198.469.304.880	168.998.215.791
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		58.198.212.860	110.095.213.330
258 3. Đầu tư dài hạn khác		140.271.092.020	58.903.002.461
260 V. Tài sản dài hạn khác		153.481.333.061	90.873.564.344
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	139.278.880.339	81.652.497.969
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	791.856.875
268 3. Tài sản dài hạn khác		14.202.452.722	8.429.209.500
269 VI. Lợi thế thương mại		2.033.808.824	2.288.034.927
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.986.911.725.261	3.233.682.773.480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

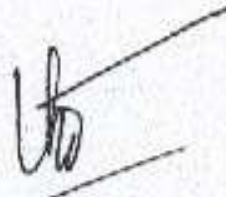
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)


Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		2.783.608.455.326	3.018.088.373.990
310 I. Nợ ngắn hạn		2.688.894.025.878	2.922.716.268.486
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	14	850.193.310.110	863.790.329.339
312 2. Phải trả người bán		617.819.622.984	676.019.546.125
313 3. Người mua trả tiền trước		670.375.574.335	839.124.775.581
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	84.655.975.663	51.089.796.145
315 5. Phải trả người lao động		14.374.274.265	12.787.286.143
316 6. Chi phí phải trả	16	152.227.472.311	177.094.990.246
317 7. Phải trả nội bộ		-	29.368.828.431
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	297.072.572.414	272.885.359.525
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	19.579.903
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.175.223.796	535.777.048
330 II. Nợ dài hạn		94.714.429.448	95.372.105.504
331 1. Phải trả dài hạn người bán		44.000.000	-
333 3. Phải trả dài hạn khác	18	3.652.155.360	783.255.638
334 4. Vay và nợ dài hạn	19	89.461.523.664	93.747.371.407
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		938.388.605	841.478.459
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		618.361.819	-
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		157.719.426.774	172.676.521.857
410 I. Vốn chủ sở hữu	20	157.309.084.643	172.256.783.457
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		270.000.000.000	270.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		24.023.997.214	24.023.997.214
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		3.969.156	(148.473.383)
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		11.887.474.664	1.705.020.487
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		6.509.279.145	664.118.429
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.528.086.815	-
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(157.643.722.351)	(123.987.879.290)
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		410.342.131	419.738.400
432 2. Nguồn kinh phí		10.342.131	19.738.400
433 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		400.000.000	400.000.000
439 C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		45.583.843.161	42.917.877.633
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.986.911.725.261	3.233.682.773.480

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	USD		1.795,37	818,09



Phùng Minh Bằng
Kế toán trưởng
Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2012

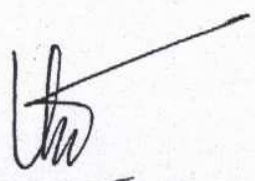


Đặng Tiên Phong
Tổng Giám đốc

01020
CÔNG
ACH MI
DỊCH V
AI CH
VA K
HOAN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và cung cấp dịch vụ	21	3.477.866.226.636
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	186.699.124.213
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.291.167.102.423
11 4. Giá vốn hàng bán	24	3.167.277.857.570
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		123.889.244.853
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	91.693.993.074
22 7. Chi phí tài chính	26	78.700.393.372
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		56.757.966.770
24 8. Chi phí bán hàng		21.891.240.449
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		111.307.758.355
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.683.845.751
31 11. Thu nhập khác		49.011.856.642
32 12. Chi phí khác		20.527.497.969
40 13. Lợi nhuận khác		28.484.358.673
45 14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(14.412.874.331)
50 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.755.330.093
51 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		10.835.132.484
52 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		791.856.875
60 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>6.128.340.734</u>
61 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(2.032.617.942)
62 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>8.160.958.676</u>


Phùng Minh Bằng
Kế toán trưởng
Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2012


Dặng Tiên Phong
Tổng Giám đốc

11353
CÔNG TY
THUẾ
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
M TOÁN
M - TP